

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI FEN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI FEN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FEN GROUP MANUFACTURING AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: FEN GROUP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110152333

3. Ngày thành lập: 17/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 78 ngõ 197 đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931474886

Fax:

Email: fengroup.vn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ đấu giá hàng hóa)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ: hoạt động đấu giá và các loại nông lâm sản nguyên liệu, động vật sống Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
4.	Bán buôn thực phẩm (loại trừ hoạt động đấu giá)	4632(Chính)
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (loại trừ hoạt động đấu giá)	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649

8.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
9.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
10.	Trồng cây mía	0114
11.	Trồng cây lấy sợi	0116
12.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
14.	Trồng cây hàng năm khác	0119
15.	Trồng cây ăn quả	0121
16.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
17.	Trồng cây điều	0123
18.	Trồng cây hồ tiêu	0124
19.	Trồng cây cao su	0125
20.	Trồng cây cà phê	0126
21.	Trồng cây chè	0127
22.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
23.	Trồng cây lâu năm khác	0129
24.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
25.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
32.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
33.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34.	Dịch vụ đóng gói	8292
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
36.	Đào tạo sơ cấp	8531
37.	Đào tạo trung cấp	8532
38.	Đào tạo cao đẳng	8533
39.	Đào tạo đại học	8541
40.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; (Loại trừ dạy về tôn giáo, hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; - Dịch vụ tư vấn du học (theo Điều 106 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/04/2017 quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục).	8560
44.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác	8890
45.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
46.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
47.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
48.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
49.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
50.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (theo khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810

51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản. (theo Điều 60 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
52.	Quảng cáo (loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
53.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
54.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
55.	Bán buôn tổng hợp (loại trừ hoạt động đấu giá)	4690
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) ; - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
62.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
63.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
64.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
65.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
66.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
67.	Sản xuất đường	1072
68.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
69.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
70.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
71.	Sản xuất chè	1076
72.	Sản xuất cà phê	1077
73.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
74.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (loại trừ: quán bar, quán karaoke, vũ trường)	5630
80.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
81.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ YẾN	Việt Nam	Thôn An Bộ, Xã Hiệp Hòa, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	1.000.000.000	50,000	030192006909	
2	HOÀNG THỊ HIỀN	Việt Nam	Số 50A Tổ 1B Văn Quán, Tổ 3, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	30,000	030185017631	
3	TỪ TÍNH	Việt Nam	Thôn Vũ Xá, Phường Thất Hùng, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	400.000.000	20,000	030092010985	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030192006909

Ngày cấp: 11/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Bộ, Xã Hiệp Hòa, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 2 ngách 3 ngõ 72 đường Trần Vỹ, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội